TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T- do - Hạnh phúc**

Bản án: 130/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 / 9 / 2022
V/v : "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình- xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phượng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện-Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thành N, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp N1, xã N2, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1979, địa chỉ: Khu phố Nội Ô, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn anh Huỳnh Thành N như sau: Anh với chị Đặng Thị H cưới nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết về luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, thường cự cải qua lại bất đồng quan điểm sống, không còn hạnh phúc và ly thân từ đó. Nay Huỳnh Thành N yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh N1, sinh ngày 25/8/1997, đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Thị H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về tố tụng:

- Chị Đặng Thị H có nơi cư trú tại khu phố Nội Ô, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Đặng Thị H với tư cách là bị đơn đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự để cho chị Đặng Thị H biết mà trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thành N nhưng chị H không thực hiện, chị H đã cố tình trốn tránh, vắng mặt tại các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, việc vắng mặt của chị H không rõ lý do.

[2] Về nội dung:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Huỳnh Thành N với chị Đặng Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng do không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 14 như sau:

"*Khoản 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống vối nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*".

Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa anh N và chị H không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Tòa án có căn cứ để xử không công nhận là vợ chồng giữa anh Huỳnh Thành N đối với chị Đặng Thị H.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Huỳnh N1, sinh ngày 25/8/1997, đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

- *Về tài sản và nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

- *Về án phí*: Anh Huỳnh Thành N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng Điều 14 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, Điều 179, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận giữa anh Huỳnh Thành N đối với chị Đặng Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh N1, sinh ngày 25/8/1997, đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

3. Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

4. Về án phí: Xử buộc anh Huỳnh Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005891, ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh N và chị H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Phòng T- pháp GR:
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ VĂN TÁM